

Bản án số: 746/2024/HC-PT

Ngày 18 tháng 7 năm 2024.

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính
đối với trường hợp giải quyết khiếu nại về
đất đai”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Phan Đức Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 40/2024/TLPT-HC ngày 15 tháng 01 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính đối với trường hợp giải quyết khiếu nại về đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 36/2023/HC-ST ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2272/2024/QĐPT-HC ngày 28 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn H, sinh năm: 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Số A đường T, khu phố B, phường Đ, thành phố P - T.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Xuân V1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn H1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (Giấy ủy quyền số 23/GUQ-CTUB ngày 15/7/2024). (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Mạnh C – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T (Giấy yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự ngày 15/7/2024) (có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tân L – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện T (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Bá Đ – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện T (theo Giấy ủy quyền ngày 08/9/2023) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Trọng H2 – Công chức Địa chính – Xây dựng – Môi trường xã P, huyện T (Giấy yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự ngày 08/9/2023) (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là ông Nguyễn Thanh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Lê Văn H trình bày:

Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp được Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) xã P, huyện T và Chủ tịch Ủy ban UBND huyện T giải quyết khiếu nại đối với ông Nguyễn Thành V2 là do gia đình ông V2 khai hoang, phát dọn từ năm 1992, địa điểm tại khu vực B, xã P diện tích 51.154m². (Theo Trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng Đ1 – chi nhánh T2 đo đạc theo chỉ dẫn của ông V2 là phục vụ việc giải quyết khiếu nại); Gia đình ông V2 làm chuồng, chôn thả bò và trồng cỏ voi, cây nem, cây măng cầu trên đất, đồng thời kết hợp làm biển thả lưới ba màn đánh bắt hải sản vào chiều tối. Gia đình ông V2 sử dụng đất ổn định, lâu dài, không tranh chấp và không vi phạm pháp luật về đất đai.

Ông Nguyễn Thanh V khởi kiện Quyết định hành chính số 674/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) đối với ông. Vì nội dung kết quả kiểm tra, xác minh và phân kết luận của Quyết định số 674 không khách quan và không đúng quy định của pháp luật, nội dung và kết quả xác minh không xác định được thời điểm, thời gian sử dụng đất của gia đình ông V, không xác minh người biết sự việc tại thôn S về nguồn gốc đất khu vực đất B, không xác định ranh giới đất của ông V và ông Nguyễn Văn T, không thực hiện theo các quy định của pháp luật về đất đai và Luật khiếu nại là ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông V.

Đoàn kiểm tra căn cứ vào Biên bản lập ngày 07/3/2022 của UBND dân xã P yêu cầu ông Nguyễn Văn T cung cấp thông tin khu vực đất Bãi Đá T1, ông T đại diện cho 04 hộ chỉ ranh giới khu vực đất của 04 hộ gồm: hộ ông Nguyễn Thanh V, hộ ông Nguyễn Văn T, hộ ông Phạm Văn G, hộ ông Nguyễn Ngọc D có diện tích 174.792m², Ủy ban nhân dân xã L biên bản ghi nội dung cho ông Nguyễn

Văn T bao chiếm đất của Ủy ban xã quản lý, diện tích đất 174.792m² là không đúng.

Năm 1996 đến năm 2007, UBND tỉnh N mới Quy hoạch và giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển huyện N (nay là huyện T) quản lý và bảo vệ rừng. Như vậy gia đình ông V đã sử dụng trước 4 năm, Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển mới được giao quản lý và bảo vệ rừng. Năm 2018, UBND tỉnh giao cho UBND xã quản lý bảo vệ rừng. Như vậy gia đình ông V đã sử dụng trước 15 năm, UBND xã P mới được giao quản lý bảo vệ rừng. Khu vực đất Bãi Đá Trúng ông V đã sử dụng ổn định, lâu dài và không vi phạm pháp luật về đất đai, gia đình ông đã sử dụng khu vực đất Bãi Đá Trúng trước ngày 15/10/1993; trước ngày 01/7/2004 và trước ngày 01/7/2014 được pháp luật về đất đai thừa nhận và hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật đất đai 2013 và khoản 5 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Vì vậy, ông V yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy phần nội dung kết quả kiểm tra, xác minh và phân kết luận của Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thanh V (lần 2).

Đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện ông Đinh Văn H1 có ý kiến trình bày tại Văn bản ngày 26/7/2023; tại phiên tòa, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Hán Tấn Vĩnh A trình bày:

Ngày 03/10/2022, ông Nguyễn Thanh V gửi đơn khiếu nại Công văn số 413/UBND-TP ngày 19/8/2022 của Chủ tịch UBND xã P về việc trả lời đơn cho ông. Theo đơn, ông V yêu cầu công nhận nguồn gốc sử dụng đất của gia đình ông tại khu vực B thuộc thôn S, xã P. Vụ việc đã được Chủ tịch UBND xã P giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 06/12/2022, với nội dung: “Giữ nguyên nội dung Công văn số 413/UBND-TP ngày 19/8/2022 của Chủ tịch UBND xã P về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Thanh V, không chấp thuận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Thanh V, khiếu nại về nội dung Công văn số 413/UBND-TP ngày 19/8/2022 của Chủ tịch UBND xã P”. Qua đó, ông Nguyễn Thanh V không đồng ý và khiếu nại Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 06/12/2022 của Chủ tịch UBND xã P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thanh V (lần đầu); yêu cầu được quy chủ đất với diện tích 51.154m² tại khu vực Bãi Đá Trúng theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

Theo xác nhận của Hội đồng tư vấn đất đai xã P: Diện tích đất ông Nguyễn Thanh V khiếu nại là đất rừng phòng hộ đã giao cho UBND xã P quản lý, đất nằm ngoài khu đo đạc của hồ sơ địa chính; nằm trong ranh giới bao chiếm của ông Nguyễn Văn T (em rể ông V) đã bị Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành Quyết định số 1564/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (buộc trả lại diện tích đất đã chiếm và khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm).

Theo xác nhận của Ban Q: Vị trí diện tích đất ông Nguyễn Thanh V khiếu nại có toạ độ VN2000 múi chiếu 3 (X=580781; Y=1255136) thuộc tiểu khu B, nằm trên địa bàn xã P, huyện T.

Theo Quyết định số 650/CT ngày 08/3/1996 của UBND tỉnh N về việc tổ chức lại Lâm trường N thành Ban Q, khu vực này nằm trong lâm phần quản lý của Ban Q. Hiện trạng là đất trồng núi đá, cây bụi chủ yếu là bằng lăng, cóc rừng, huyết giác, bụi gai và cây gỗ tái sinh mọc rải rác... Qua công tác tuần tra, kiểm tra trong khu vực thì không có dấu hiệu chặt phá cây rừng, bao chiếm đất rừng làm rẫy của người dân. Sau khi có Quyết định số 241/2007/QĐ-UBND ngày 14/9/2007 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch 03 loại rừng giai đoạn 2007-2015 và Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch 03 loại rừng giai đoạn 2016-2025, thì khu vực đất trên đã được điều chỉnh đưa ra ngoài quy hoạch 03 loại rừng, giao cho UBND xã P quản lý, nằm ngoài lâm phần của Ban Q.

Ngày 10/02/2023, Đoàn xác minh đã phối hợp với UBND xã P, ông Nguyễn Thanh V và ông Nguyễn Văn T tiến hành đo đạc thực tế theo ranh giới đất mà ông Nguyễn Thanh V chỉ dẫn thì khu đất có diện tích là 51.154 m² (toàn bộ diện tích này nằm trong ranh giới bao chiếm của ông Nguyễn Văn T). Hiện trạng trên đất có 02 chuồng dê, 01 nhà vệ sinh, 01 nhà ở (được sửa lại năm 2019), 01 hồ chứa nước: xây bằng gạch, có lát gạch men và trồng cỏ với diện tích khoảng 1.500m²).

Ngày 07/3/2022, UBND xã P lập biên bản làm việc với ông Nguyễn Văn T về việc cung cấp lại thông tin đất đai, ông Nguyễn Văn T đã xác nhận diện tích đất 17,48 ha là của mình. Phần diện tích đất mà ông Nguyễn Thanh V khiếu nại nằm trong ranh giới bao chiếm đất của ông Nguyễn Văn T đã được UBND xã P lập biên bản vì phạm hành chính số 33/BB-VPHC ngày 15/6/2022 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Văn T và đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N ban hành Quyết định số 1564/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (buộc trả lại diện tích đất đã chiếm và khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm) và Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T (lần đầu).

Ngoài ra, ông Nguyễn Thanh V không cung cấp được các loại giấy tờ hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai. Nên, việc ông Nguyễn Thanh V yêu cầu được quy chủ đất với diện tích 51.154m² tại khu vực Bãi Đá T1 là không có cơ sở giải quyết. Vì vậy, Công văn số 413/UBND-TP ngày 19/8/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P về việc thông tin nội dung đơn cho ông Nguyễn Thanh V không còn tác động trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Thanh V. Do đó, khi tiếp nhận Đơn khiếu nại ghi ngày 03/10/2022 của ông Nguyễn Thanh V có nội dung: khiếu nại Công văn số 413/UBND-TP ngày 19/8/2022 của Ủy ban nhân dân xã P thì Ủy ban nhân dân xã P phải ban hành Thông báo về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại. Lý do: “Quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại không liên

quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại” theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011.

Từ những nhận định và căn cứ trên, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 04/5/2023, với nội dung: Yêu cầu Chủ tịch UBND xã P: (1) Hủy bỏ Thông báo số 197/TB-UBND ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND xã về việc thụ lý giải quyết khiếu nại (lần đầu); (2) Hủy bỏ toàn bộ Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 06/12/2022 của Chủ tịch UBND xã P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thanh V (lần đầu); (3) Giao UBND xã P ban hành Thông báo về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thanh V là đúng thẩm quyền, quy định của pháp luật.

Do vậy, việc ông Nguyễn Thanh V khởi kiện yêu cầu hủy một phần nội dung kết quả kiểm tra, xác minh và phân kết luận của Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thanh V (lần hai) là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh V.

Đại diện Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chủ tịch UBND xã P - ông Vũ Bá Đ trình bày ý kiến tại Văn bản ngày 10/8/2023 và tại phiên tòa:

Ngày 03/10/2022, UBND xã P tiếp nhận đơn khiếu nại ghi ngày 01/10/2022 của ông Nguyễn Thanh V, đơn có nội dung như sau: “Năm 1992, gia đình tôi đến khu vực B (thuộc Tiểu khu B) xã P khai hoang làm trang trại nuôi bò, gia đình tôi làm nhà ở để trông coi tài sản và chăn nuôi trên 50 con bò và trồng cây măng cầu với diện tích khoảng trên 40.000m² ...”.

Kết quả kiểm tra hiện trạng đất: Trên khu đất ông Nguyễn Thanh V khiếu nại có 02 chuồng dê, 01 nhà vệ sinh, 01 nhà ở, 01 hồ xây chứa nước và diện tích trồng cỏ khoảng 1.500m². Toàn bộ khu đất ông Nguyễn Thanh V khiếu nại nằm trong ranh giới bao chiếm của ông Nguyễn Văn T (em rể ông V) đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1564/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (buộc trả lại diện tích đất đã chiếm và buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm), đồng thời Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của UBND tỉnh về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T (lần đầu).

Theo hồ sơ địa chính của Ủy ban nhân dân xã L năm 1997 có bổ sung vào năm 2002, năm 2008 thì khu đất ông Nguyễn Thanh V khiếu nại nằm ngoài khu đo đạc Bản đồ địa chính. Theo Quyết định số 650/CT ngày 08/3/1996 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức lại Lâm trường Ninh Phước thành Ban Q, khu vực này nằm trong lâm phần quản lý của Ban Q. Hiện trạng là đất trồng núi đá, cây bụi chủ yếu là bằng lăng, huyết giác, bụi gai và cây gỗ tái sinh mọc rải rác... Qua công tác tuần tra, kiểm tra trong khu vực thì không có dấu hiệu chặt phá cây rừng, bao chiếm đất rừng làm rẫy của người dân. Theo Quyết định số 241/2007/QĐ-UBND ngày 14/9/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch 03 loại rừng giai đoạn 2007-2015 và Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kết quả rà

soát quy hoạch 03 loại rừng giai đoạn 2016-2025, thì khu vực trên được điều chỉnh đưa ra ngoài quy hoạch 03 loại rừng, giao Ủy ban nhân dân xã P quản lý. Theo xác nhận của Hội đồng Tư vấn đất đai xã P thì khu đất ông Nguyễn Thanh V khiếu nại là đất rừng phòng hộ do Ủy ban nhân dân xã P quản lý.

Từ các nội dung đã được trình bày nêu trên cho thấy khu đất ông Nguyễn Thanh V khiếu nại là đất rừng phòng hộ do Ủy ban nhân dân xã P quản lý, vì vậy yêu cầu công nhận diện tích đất trên cho hộ ông V là không có căn cứ.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 36/2023/HC-ST ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận quyết định:

- Căn cứ vào: Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; khoản Điều 100 Luật Đất đai năm 2013;

Điều 18, Điều 91 Nghị Định số 43/2014/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013

Khoản 2 Điều 11, khoản 2 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh V về việc yêu cầu hủy bỏ phần nội dung kết quả kiểm tra, xác minh và phần kết luận của Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận, về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thanh V (lần 2).

Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm trong hạn luật định ông Nguyễn Thanh V có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V.

Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, các đương sự không đối thoại với nhau về việc giải quyết vụ án, người kháng cáo vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án; Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của người kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Theo xác nhận của Hội đồng tư vấn đất đai xã P thì diện tích đất ông Nguyễn Thanh V khiếu nại là đất rừng phòng hộ đã giao cho Ủy ban nhân dân xã P quản lý đất nằm ngoài khu đo đạc của hồ sơ địa chính; nằm trong ranh giới bao chiếm của ông Nguyễn Văn T (em rể ông V) đã bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N ban hành Quyết định số 1564/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (buộc trả lại diện tích đất đã chiếm và khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm).

[2] Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thanh V; Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo xác nhận của Ban Q: Vị trí diện tích đất ông Nguyễn Thanh V khiếu nại có toạ độ VN2000 múi chiếu 3 (X=580781; Y=1255136) thuộc tiểu khu B, nằm trên địa bàn xã P, huyện T.

Theo Quyết định số 650/CT ngày 08/3/1996 của Ủy ban nhân dân tỉnh N về việc tổ chức lại Lâm trường N thành Ban Q, khu vực này nằm trong lâm phần quản lý của Ban Q. Sau khi có Quyết định số 241/2007/QĐ-UBND ngày 14/9/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch 03 loại rừng giai đoạn 2007-2015 và Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch 03 loại rừng giai đoạn 2016-2025, thì khu vực đất trên đã được điều chỉnh đưa ra ngoài quy hoạch 03 loại rừng, giao cho Ủy ban nhân dân xã P quản lý, nằm ngoài lâm phần của Ban Q.

Như vậy, có căn cứ xác định diện tích đất liên quan đến khiếu nại của ông V nguyên trước đây là thuộc Lâm trường N quản lý sau này được giao cho UBND xã P quản lý.

Ngoài ra, phần diện tích đất mà ông Nguyễn Thanh V khiếu nại nằm trong ranh giới bao chiếm đất của ông Nguyễn Văn T đã được Ủy ban nhân dân xã P lập biên bản vi phạm hành chính số 33/BB-VPHC ngày 15/6/2022 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Văn T và đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1564/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (buộc trả lại diện tích đất đã chiếm và khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm) và Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T (lần đầu).

[3] Từ những viện dẫn nêu trên thấy rằng; Ông Nguyễn Thanh V cho rằng đất của ông được Chủ tịch UBND huyện T giải quyết khiếu nại là do gia đình ông phát ranh rào khai hoang từ năm 1992 để chăn nuôi bò thả rong là không có cơ sở. ông V không có giấy tờ về đất như đơn xin khai hoang được chính quyền địa phương xác nhận; không có một trong các loại giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 (khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013) và không đủ các điều kiện để xem xét quyền sử dụng đất

tại Điều 18, Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Diện tích đất nêu trên có nguồn gốc là do Ban Q quản lý sau đó có quyết định giao cho UBND xã P quản lý.

Từ những nội dung nêu trên xét thấy: Bản án sơ thẩm đã xem xét đánh giá và áp dụng đúng các quy định của pháp luật về đất đai để không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thanh V là có căn cứ đúng pháp luật. Ông Nguyễn Thanh V kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới làm thay đổi nội dung của Bản án sơ thẩm do vậy đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thanh V không có căn cứ được chấp nhận.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu kháng cáo không được chấp nhận, ông Nguyễn Thanh V phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thanh V. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 36/2023/HC-ST ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Căn cứ vào: Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; khoản Điều 100 Luật Đất đai năm 2013;

Điều 18, Điều 91 Nghị Định số 43/2014/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013

Khoản 2 Điều 11, khoản 2 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh V về việc yêu cầu hủy bỏ phần nội dung kết quả kiểm tra, xác minh và phần kết luận của Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận, về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thanh V (lần 2).

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh V phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000025 ngày 01/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận. Ông Nguyễn Thanh V đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Ninh Thuận; (1)
- VKSND tỉnh Ninh Thuận; (1)
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (1)
- NCQLNVLQ; (1)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- Tâm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Xuân Thành